TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Ngày 18 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thảo V, sinh năm 1994.

Thường trú: E15 ấp M, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1985.

Thường trú: 38Đ, TH, thị xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: E15 ấp M, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018, bản tự khai ngày 18/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thảo V trình bày:

Bà V và ông Đoàn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chung sống ổn định tại ấp M, xã X, huyện M. Sau đó giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và từ tháng 02/2015, mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chồng chơi bời, lấy hết tiền sử dụng vào đập đá, bắn cá, thường xuyên đánh đập vợ, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Kể từ đó bà V và ông T sống ly thân, tình cảm không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng. Khoảng từ tháng 7/2018 ông T phải đi thi hành án phạt tù cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải, bản thân bà V không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T. Do đó, bà V yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Thanh T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Đoàn Thụy Diễm M, sinh ngày 27/02/2012. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2019, bị đơn là ông Đoàn Thanh T trình bày:

Ông T và bà V tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Nguyên nhân do ông T lấy tiền của gia đình để tiêu xài cá nhân mà không báo cho vợ và gia đình biết. Khi bị hỏi thì không có tiền trả lại nên vợ giận và bỏ đi 02 năm nay. Từ lúc vợ bỏ đi, hai bên không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn. Ông T không đồng ý ly hôn với bà V vì còn thương vợ, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Đoàn Thụy Diễm M, sinh ngày 27/02/2012. Từ khi hai vợ chồng ly thân, bà V là người trực tiếp nuôi con. Do không đồng ý ly hôn nên ông T không có ý kiến và yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thảo V khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Đoàn Thanh T, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Đoàn Thanh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã X, huyện M nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thảo V và bị đơn ông Đoàn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà V và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 5-KH, quyển số 1/2012, ngày 04/02/2012 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thảo V và ông Đoàn Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà V và ông T có mâu thuẫn xảy ra dẫn đến việc sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bản thân bà V không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông T. Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà V có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thảo V vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Thanh T. Xét thấy hôn nhân giữa bà V và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thảo V là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà V và ông T có 01 con chung tên Đoàn Thụy Diễm M, sinh ngày 27/02/2012. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến và yêu cầu về con chung. Theo biên bản lấy lời khai, ông T trình bày, từ khi ông T và bà V ly thân, con chung do bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thảo V tạm thời không yêu cầu ông Đoàn Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn bà Nguyễn Thảo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thảo V và ông Đoàn Thanh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Đoàn Thụy Diễm M, sinh ngày 27/02/2012 cho bà Nguyễn Thảo V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Bà Nguyễn Thảo V tạm thời không yêu cầu ông Đoàn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thảo V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018604 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã X, huyện M (Giấy CN kết hôn số 5-KH, quyển số 1/2012 ngày 04/02/2012);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương